TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2025/DS-ST
Ngày 05 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

Ông Trần Chí Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đoàn T, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: ấp NC, xã TT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Phan Văn L, sinh năm 19819; địa chỉ cư trú: ấp NC, xã TT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Trần Thị X, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: ấp NC, xã TT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Đoàn T trình bày: Năm 2000, ông cho anh L, chị X vay 10 chỉ vàng 24k, lãi suất 100.000đ/chỉ, thời hạn vay là khi nào anh cần thông báo cho anh L, chị X sẽ trả, khi vay không làm biên nhận. Sau khi vay, anh L có trả số tiền 3.000.000đ, tương đương 01 chỉ vàng 24k. Như vậy, anh L, chị X còn nợ 09 chỉ vàng 24k và tiền lãi. Sau đó, ông với anh L viết tờ thỏa thuận và anh L thừa nhận có nợ số vàng vốn và tiền lãi. Đến 2021, anh L có trả tiền lãi được 2.100.000đ, không trả vốn. Nay anh yêu cầu anh L, chị X trả 09 chỉ vàng 24k, tiền lãi 21.300.000đ.

Đối với anh Phan Văn L, chị Trần Thị X đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh chị không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Đoàn T khởi kiện yêu cầu anh Phan Văn L, chị Trần Thị X trả vàng vốn, lãi là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tung: Ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh L, chị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T, anh L, chị X.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện anh L, chị X có vay của ông T 10 chỉ vàng 24k. Sau đó, anh L và chị X có trả được 01 chỉ vàng 24k, còn nợ lại 09 chỉ vàng 24k. Xét thấy: Việc các đương sự giao dịch vay vàng với nhau bằng hình thức giao, nhận trực tiếp, không có lập thành văn bản. Tuy nhiên, ngày 19/7/2020, ông T với anh L viết tờ thỏa thuận và anh L thừa nhận có nợ ông T 09 chỉ vàng 24k. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù Nhà nước không còn quy động vốn vay bằng vàng từ năm 2011 đến nay. Nhưng từ năm 2011 trở về trước Nhà nước có quy động vốn vay bằng vàng. Do đó, việc các đương sự giao dịch vay vàng, tính lãi với nhau trước năm 2011 vẫn được Nhà nước công nhận. Mặt khác, tại tờ thỏa thuận được lập giữa ông T với anh L thì anh L thống nhất trả lãi vay với ông T. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu anh L và chị X trả tiền lãi là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về án phí dân sự: Anh L và chị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 467; Điều 473 của Bộ luật Dân sự năm 1995; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn T.

1. Buộc anh Phan Văn L và chị Trần Thị X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đoàn T 09 (chín) chỉ vàng 24k và số tiền 21.300.000 đồng (hai mươi mốt triệu ba trăm ngàn đồng).

2. Về án phí dân sự:

2.1. Ông Đoàn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông T 2.976.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0011899 ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4.

2.2. Anh Phan Văn L và chị Trần Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.366.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh